ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24 /2019/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 22 tháng 7 năm 2019*

Người ký: Văn phòng ĐĐBQH - HĐND và UBND
Email: vpub@quangninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ninh
Thời gian ký: 24.07.2019 08:06:07 +07:00

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 39/TTr-STP ngày 26 tháng 6 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn;
- V0, V1 - 4, CV NCTH;
- Trung tâm Thông tin (Công báo);
- Lưu: VT, KSTT2.

5b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, nội dung chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện công tác báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau, giữa cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức, cá nhân liên quan được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quyết định này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo định kỳ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành.

b) Chế độ báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề; báo cáo thống kê, báo cáo mật, báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc ban hành và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc chế độ báo cáo

1. Nguyên tắc chung. Thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

2. Việc quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh phải được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Yêu cầu chế độ báo cáo

Tùy từng trường hợp cụ thể, nội dung báo cáo có thể chỉ có phần lời văn, chỉ có phần số liệu, hoặc bao gồm cả phần lời văn và phần số liệu.

Nội dung chế độ báo cáo định kỳ bao gồm tối thiểu các thành phần quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 7 và phải đáp ứng các yêu cầu tương ứng quy định tại Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ

Điều 5. Thời gian chốt số liệu báo cáo

1. Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 6 tháng: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ 9 tháng: Thời gian chốt số liệu 9 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

5. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

6. Đối với các báo cáo định kỳ khác, thời gian chốt số liệu phải được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Hình thức báo cáo:

Báo cáo được thể hiện dưới một trong hai hình thức sau:

a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của Lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân, đóng dấu theo quy định (nếu có).

b) Báo cáo bằng văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức.

2. Phương thức gửi báo cáo:

a) Gửi trực tiếp;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Gửi qua Fax;

d) Gửi qua hệ thống thư điện tử;

đ) Gửi qua Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu Quản lý văn bản.

3. Thời hạn gửi báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ

a) Thời hạn nhận báo cáo định kỳ của mỗi cấp báo cáo không quá 05 ngày kể từ ngày chốt số liệu thực tế trong kỳ báo cáo.

Đối với các loại báo cáo có yêu cầu về thời hạn nhận khác, cần quy định cụ thể thời hạn trong văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.

b) Trường hợp thời hạn báo cáo trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

Điều 7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo để thực hiện báo cáo điện tử, thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số, xây dựng các biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

1. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ chế độ báo cáo định kỳ theo thẩm quyền cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và các nội dung tại Quyết định này.

2. Phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Công bố danh mục báo cáo định kỳ sau 15 ngày kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về chế độ báo cáo định kỳ.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo

1. Thực hiện đầy đủ, đảm bảo nội dung, thẩm quyền và thời hạn của chế độ báo cáo định kỳ.

2. Đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ chế độ báo cáo định kỳ trong trường hợp không còn phù hợp với việc thực hiện.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đảm bảo kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Hướng dẫn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và việc triển khai xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

2. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo định mức của các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan. Ưu tiên lựa chọn hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai nhiệm vụ được giao.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với chế độ báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến khi sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ nhằm đáp ứng các quy định tại Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thắng